

20211-IT3090-TracNghiem2

1. Câu lệnh CREATE TABLE dùng để làm gì?
(1 Point)

- ☒ Tạo một bảng cơ sở dữ liệu mới
- ☐ Tạo một thủ tục lưu trữ
- ☐ Tạo chế độ xem cơ sở dữ liệu

2. Hàm nào dưới đây là hàm tập hợp trong SQL?

- ☒ AVG
- ☐ LEN
- ☐ JOIN
- ☐ LEFT

3. Lệnh SQL nào sau đây lấy ra chuỗi 'Success'
(1 Point)

- ☐ SELECT 'Success '
- ☒ SELECT 'Success'
- ☐ SELECT LEFT('Success is all I need.',15)

4. Câu lệnh SQL sau đây làm gì:

SELECT Khachhang, COUNT (Dondathang) FROM Sales GROUP BY Khachhang
HAVING COUNT(Dondathang)>5

(1 Point)

- ☒ A. Chọn tất cả khách hàng từ bảng Sales đã thực hiện hơn 5 đơn hàng.
- ☐ B. Chọn tất cả khách hàng từ bảng Sales
- ☐ C. Chọn tổng số đơn đặt hàng từ bảng Sales, nếu số này lớn hơn 5.

5. Câu lệnh SQL nào sau đây sẽ chọn tất cả các bản ghi với tất cả các cột của chúng từ một bảng có tên là Sales

(1 Point)

- ☐ SELETE FROM Sales
- ☐ SELECT * FROM SALES WHERE OrderID<1
- ☒ SELECT * FROM Sales.

6. Yếu tố nào đứng sau câu lệnh SELECT trong SQL?

(1 Point)

- ☐ Tên bảng trong cơ sở dữ liệu sẽ lấy ra các bản ghi
- ☒ Danh sách các cột được chọn hoặc ký hiệu *.
- ☐ Mệnh đề JOIN.

7. Index trong SQL là gì?

(1 Point)

- ☒ Là một thuộc tính bảng cơ sở dữ liệu, giúp tăng tốc tìm kiếm dữ liệu trong một bảng.
- ☐ Là một phương pháp để join 2 hay nhiều bảng với nhau
- ☐ Chức năng tương tự như Alias.

8. Nếu không chỉ định ASC hoặc DESC sau mệnh đề ORDER BY thì từ khóa nào được sử dụng theo mặc định?

(1 Point)

- ☒ ASC
- ☐ DESC
- ☐ DOWN
- ☐ Không có giá trị mặc định

9. Đâu không phải là một từ khóa hoặc mệnh đề trong SQL?

(1 Point)

- ☐ INSERT
- ☐ SELECT
- ☒ INVERT
- ☐ UPDATE

10. LIKE được sử dụng cùng với lệnh nào?

(1 Point)

- ☒ Mệnh đề WHERE
- ☐ Mệnh đề GROUP BY
- ☐ Mệnh đề JOIN
- ☐ Mệnh đề ORDER BY

11. BETWEEN trong SQL được sử dụng để ...?

(1 Point)

- ☐ Chỉ định một cột làm khóa chính.
- ☐ Chỉ định các bảng sẽ sử dụng
- ☒ Chỉ định một phạm vi để kiểm tra

12. Lệnh SQL nào sau đây viết đúng cú pháp?
(1 Point)

- ☐ SELECT * FROM Table1 WHERE Column1 => 10
- ☐ SELECT * FROM Table1 WHERE Column1 == 10
- ☒ SELECT * FROM Table1 WHERE Column1 >= 10

13. Yếu tố nào nằm sau mệnh đề WHERE trong SQL?
(1 Point)

- ☐ A. Tên bảng đang sử dụng để lấy bản ghi.
- ☒ B. Điều kiện cần đáp ứng cho các hàng được trả về
- ☐ C. Danh sách các cột được chọn

14. Để lấy được tất cả các bản ghi từ một bảng, chúng ta cần sử dụng câu lệnh nào trong các câu lệnh dưới đây:
(1 Point)

- ☐ Select? From table_name
- ☐ Select * from column_name
- ☒ Select * from table_name
- ☐ Select % from table_name

15. Để thêm bản ghi vào một bảng. Hãy cho biết phương án nào là phương án đúng trong các phương án dưới đây:

(1 Point)

- ☐ INSERT into table_name VALUE (value1, value2,...)
- ☐ ADD into table_name VALUE (value1, value2,...)
- ☒ INSERT into table_name VALUES (value1, value2,...)
- ☐ INSERT in table_name VALUES (value1, value2,...)

16. Hãy chọn phương án đúng ứng với ý nghĩa của câu lệnh dưới đây:

DELETE FROM sinhvien WHERE gt is null

(1 Point)

- ☒ Sử dụng để xóa một dòng hoặc nhiều dòng từ một bảng dựa trên điều kiện gt để trống
- ☐ Sử dụng để sửa một dòng hoặc nhiều dòng từ một bảng dựa trên những điều kiện gt để trống
- ☐ Sử dụng để thêm một dòng hoặc nhiều dòng từ một bảng dựa trên những điều kiện gt để trống.
- ☐ Sử dụng để xóa một dòng hoặc nhiều dòng từ một bảng dựa trên những điều kiện gt bằng 0

17. Thứ tự của các mệnh đề trong câu lệnh SQL SELECT như thế nào? Hãy chọn phương án đúng trong các phương án sau:

(1 Point)

- ☒ A. SELECT, FROM, WHERE, GROUP BY, HAVING, ORDER BY
- ☐ B. SELECT, FROM, WHERE, HAVING, GROUP BY, ORDER BY
- ☐ C. SELECT, FROM, GROUP BY, HAVING, ORDER BY WHERE
- ☐ C. SELECT, FROM, GROUP BY, HAVING, ORDER BY WHERE

18. Để tạo một bảng Khoa gồm (makhoa char(10), tenkhoa char (30), dienthoai char (10)) trong đó makhoa là khóa chính dùng lệnh nào dưới đây:
(1 Point)

- ☐ Create table Khoa (makhoa char (10), tenkhoa char (30), dienthoai char (10))
- ☐ Create table Khoa (makhoa char (10) not null, tenkhoa char (30), dienthoai char (10), constraint khoachinh foreign key (makhoa)
- ☐ Create table Khoa (makhoa char (10) null primaky key, tenkhoa char (30), dienthoai char (10))
- ☒ Create table Khoa (makhoa char (10) not null primary key, tenkhoa char (30), dienthoai char (10)).

19. Câu lệnh SELECT ... FROM kết hợp với mệnh đề nào để lọc các dòng dữ liệu bên trong thỏa mãn điều kiện cho trước? Hãy chọn phương án đúng trong các phương án dưới đây:
(1 Point)

- ☐ GROUP BY
- ☐ WHERE ... ORDER BY ... GROUP BY
- ☐ WHERE ... ORDER BY ... GROUP BY
- ☒ WHERE

20. Hãy chọn phương án ứng với câu lệnh được sử dụng để tạo Database trong SQL
(1 Point)

- ☒ A. Create database ten_database
- ☐ B. Update database ten_database
- ☐ C. Create table ten_database
- ☐ D. Create data ten_database

21. Hãy chọn phương án ứng với cú pháp được sử dụng để tạo ràng buộc Check:
(1 Point)

- ☐ CONSTRAINT Tên ràng buộc CHK (điều kiện)
- ☐ CONSTRAINT thuộc tính CHECK (điều kiện)
- ☒ CONSTRAINT Tên ràng buộc CHECK (điều kiện)
- ☐ CHECK Tên ràng buộc CONSTRAINT (điều kiện)

22. Để hiển thị bảng theo thứ tự tăng dần của cột "Ten", trong câu lệnh select ta sử dụng mệnh đề nào trong các mệnh đề sau:
(1 Point)

- ☐ Having ten asc
- ☐ Group by ten asc
- ☐ Order by ten desc
- ☒ Order by ten asc

23. Hãy chọn phương án ứng với tác dụng của câu lệnh Select dưới đây Select company, orderNumber From Order ORDER BY company
(1 Point)

- ☐ Lấy số đơn hàng của một công ty company, sắp xếp theo tên công ty
- ☐ Lấy số đơn hàng của mỗi công ty, sắp xếp theo số công ty
- ☒ Lấy số đơn hàng của mỗi công ty, sắp xếp theo tên công ty
- ☐ Lấy số đơn hàng của mỗi công ty.

24. MSSV-Họ và tên-MaLopTN *

20194242-Nguyễn Tiến Đạt-710795

This content is created by the owner of the form. The data you submit will be sent to the form owner. Microsoft is not responsible for the privacy or security practices of its customers, including those of this form owner. Never give out your password.

Powered by Microsoft Forms | [Privacy and cookies](#) | [Terms of use](#)